

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ XUYỀN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2022/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Đào Đức Cẩm Tú.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M:*** Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

***- Bị đơn:*** 1/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1957 (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Văn K), sinh năm 1955 (Chết năm 2021).

***- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K (Nguyễn Văn K):***

1/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1957 (có mặt).

2/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1986 (vắng mặt).

4/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thanh H, xã Gi, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2020, tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Vào năm 2017 vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị H có vay tiền của bà Nhỏ nhiều lần với số tiền vốn là 40.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp theo ngày, cứ 10.000.000 đồng vốn thì góp 61.000 đồng/01 ngày, góp trong thời hạn 180 ngày là trả hết vốn và lãi. Tổng số tiền ông K và bà H vay 40.000.000 đồng thì góp mỗi ngày là 244.000 đồng, góp trong thời hạn 180 ngày. Khi vay thì không có làm biên nhận nợ, ông K và bà H có góp trả cho bà Nhỏ tổng số tiền vốn 3.300.000 đồng, còn nợ 36.700.000 đồng thì ngưng trả. Đến ngày 05/9/2019, ông K và bà H yêu cầu bà Nhỏ cho ông K, bà H trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì bà Nhỏ đồng ý. Ông K, bà H ký giấy nhận nợ cùng ngày 05/9/2019 với số tiền nợ vốn còn lại là 36.700.000 đồng, cam kết trong giấy nhận nợ là mỗi tháng trả cho bà Nhỏ 3.000.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 01/8/2019. Nhưng sau đó, bà H và ông K không thực hiện trả nợ theo thỏa thuận. Đến ngày 01/6/2020 bà Nguyễn Thị Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị H trả cho bà số tiền 36.700.000 đồng. Sau đó, ông K và bà H trả thêm được 8.800.000 đồng tiền vốn, còn nợ 27.900.000 đồng thì ngưng trả. Đến ngày 10/02/2021 thì ông K chết. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2021 bà Nhỏ chỉ yêu cầu bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K trả cho bà tiền vốn 27.900.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nhưng bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K vẫn không thanh toán nợ cho bà Nhỏ.

Nay tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Th phải liên đới trả cho bà số tiền vốn còn lại 27.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/3/2021 đến ngày 23/9/2022 là 18 tháng là  $27.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 231.570 \text{ đồng}$   $\times 18 \text{ tháng} = 4.168.260 \text{ đồng}$ . Tổng cộng vốn và lãi là 32.068.260 đồng.

- Tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà thừa nhận vào năm 2017 bà và chồng là ông Nguyễn Văn K có vay tiền của bà Nhỏ nhiều lần với số tiền vốn là 40.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp theo ngày, mỗi ngày là 244.000 đồng, góp trong thời hạn 180 ngày. Khi vay thì không có làm biên nhận nợ, bà và ông K có góp trả cho bà Nhỏ tổng số tiền vốn 3.300.000 đồng thì ngưng trả. Đến ngày 05/9/2019, ông K và bà H yêu cầu bà Nhỏ cho bà và ông K trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì bà Nhỏ đồng ý. Cùng ngày 05/9/2019 bà và ông K có ký giấy nhận nợ cho bà H với số tiền nợ vốn còn lại là 36.700.000 đồng, cam kết trong giấy nhận nợ là mỗi tháng trả cho bà Nhỏ 3.000.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 01/8/2019. Nhưng sau đó, ông K bệnh, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà và ông K không có khả năng

thực hiện trả nợ cho bà Nhỏ theo thỏa thuận. Đến khi bà Nguyễn Thị Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì bà và ông K có trả được 8.800.000 đồng tiền vốn, còn nợ 27.900.000 đồng thì ngưng trả. Tại phiên tòa, bà H đồng ý cùng liên đới với những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th trả cho bà Nhỏ tiền vốn 27.900.000 đồng và đồng ý trả tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/3/2021 đến ngày 23/9/2022 là 18 tháng là với số tiền lãi 4.168.260 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 32.068.260 đồng theo yêu cầu của bà Nhỏ.

- Đối với những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K(Kiếp) là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo số 39/2021/TB-TA ngày 07/6/2021 về việc đưa người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn tham gia tố tụng và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, nhưng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th không nộp văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K(Kiếp) là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh. Buộc bị đơn bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn Th liên đới trả số tiền vốn 27.900.000 đồng và tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/3/2021 đến ngày 23/9/2022 là 18 tháng là với số tiền lãi 4.168.260 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 32.068.260 đồng (Riêng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản mà ông K để lại). Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, vào năm 2021 bị đơn ông Nguyễn Văn K chết nên Tòa án xác minh và đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Toàn, ông Nguyễn Văn Th vào tham gia tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Thị H trình bày ông Nguyễn Văn Toàn là con ruột của bà H và ông Nguyễn Văn K, nhưng ông Toàn đã bị bệnh chết. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất xác định lại những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn Th.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về nội dung:

[2] Xét thấy: Vào năm 2017, bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn K trực tiếp vay tiền của bà Nguyễn Thị Nh nhiều lần để làm ăn phát triển kinh tế gia đình với tổng số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp mỗi ngày là 244.000 đồng trong thời hạn 180 ngày. Ông K và bà H có góp trả cho bà Nhỏ được 3.300.000 đồng tiền vốn, còn nợ 36.700.000 đồng thì ngưng trả. Đến ngày 05/9/2019, ông K và bà H yêu cầu bà Nhỏ cho trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ thì bà Nhỏ đồng ý và ông K, bà H ký giấy nhận nợ cùng ngày 05/9/2019 với số tiền nợ vốn còn lại là 36.700.000 đồng, cam kết trong giấy nhận nợ là mỗi tháng trả cho bà Nhỏ 3.000.000 đồng, thời gian trả kể từ ngày 01/8/2019, nhưng ông K và bà H không thực hiện. Đến ngày 01/6/2020 bà Nguyễn Thị Nh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị H trả cho bà số tiền 36.700.000 đồng. Sau đó, ông K và bà H trả thêm được 8.800.000 đồng tiền vốn, còn nợ 27.900.000 đồng thì ngưng trả. Đến ngày 10/02/2021 thì ông K chết. Đến nay thì bà H chưa trả thêm cho bà Nhỏ được số tiền nào. Nay tại phiên tòa, bà Nhỏ yêu cầu bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K trả tiền vốn 27.900.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/3/2021 đến ngày 23/9/2022 là 18 tháng là  $27.900.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 231.570 \text{ đồng}$   $\times 18 \text{ tháng} = 4.168.260 \text{ đồng}$ . Tổng cộng vốn và lãi yêu trả là 32.068.260 đồng.

[3] Về chứng cứ: nguyên đơn cung cấp giấy nhận nợ do ông Nguyễn Văn K và bà Trần Thị H ký nhận vào ngày 05/9/2019. Khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn

ông Nguyễn Văn K về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh. Nhưng bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K không có ý kiến cũng không phản đối số tiền nợ vốn mà bà Nhỏ yêu cầu phải trả là 27.900.000 đồng, nên xem đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu tính lãi là 27.900.000 đồng  $\times$  0,83% = 231.570 đồng  $\times$  18 tháng = 4.168.260 đồng là đúng theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, bà H đồng ý cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn Th liên đới trả cho bà Nhỏ số tiền vốn 27.900.000 đồng và đồng ý trả tiền lãi 0,83%/tháng từ ngày 23/3/2021 đến ngày 23/9/2022 là 18 tháng với số tiền 4.168.260 đồng. Tổng cộng đồng ý trả vốn và lãi là 32.068.260 đồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh và buộc bị đơn bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nhỏ tổng số tiền vốn và lãi là 32.068.260 đồng (Riêng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản mà ông K để lại).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh được hoàn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu toàn bộ án phí là 1.603.413 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuy nhiên, bà Trần Thị H sinh năm 1957, trên 60 tuổi, là người cao tuổi. Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được miễn án phí theo quy định. nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án miễn 50% nghĩa vụ nộp án phí cho bà Trần Thị H với số tiền 801.706 đồng; Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu 50% nghĩa vụ nộp án phí với số tiền 801.706 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 463; khoản 1, khoản 5 Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K(Nguyễn Thị Kiệp) là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới trả số tiền vốn là 27.900.000 đồng, tiền lãi 4.168.260 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 32.068.260 đồng (Riêng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Kcó nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản mà ông K để lại).

[2] Buộc bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K(Nguyễn Thị Kiệp) là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Nh tiền vốn là 27.900.000 đồng, tiền lãi 4.168.260 đồng, tổng cộng tiền vốn và lãi là 32.068.260 đồng (Riêng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn ông Nguyễn Văn Kcó nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản mà ông K để lại)

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Nguyễn Thị Nh có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Nguyễn Văn K(Kiệp) là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th chậm trả số tiền nêu trên cho bà Nhỏ, thì bà Trần Thị H cùng những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới trả lãi đối với số tiền trả chậm theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H được miễn 50% nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 801.706 đồng;

- Ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu 50% nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 801.706 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Bà Nguyễn Thị Nh được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 917.500 đồng theo biên lai thu số 0007416 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện M;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**

